

Đơn vị báo cáo : Công ty CP thủy điện Thác Bà
Địa chỉ : TT Thác Bà- Yên Bình- Yên Bái

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Quý 2 năm 2011

MẪU SỐ B 03-DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC, sửa
đổi bổ sung theo TT 244/2009/TT-BTC ngày
31/12/2009 của Bộ trưởng BTC

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I- Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	1	2	3	4
1. Lợi nhuận trước thuế	01		18 233 286 636	3 721 638 016
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		22 304 618 560	22 310 592 570
- Các khoản dự phòng	03			
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05			
- Chi phí lãi vay	06			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		40 537 905 196	26 032 230 586
- Tăng giảm các khoản phải thu	09		33 247 544 886	(69 640 003 235)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		4 661 282 590	(1 117 232 947)
- Tăng giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(12 646 491 063)	(10 537 694 093)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12			9 451 000
- Tiền lãi vay đã trả	13			
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(4 692 462 644)	(11 799 185 123)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(49 364 772 078)	(15 107 075 427)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		11 743 006 887	(82 159 509 239)



CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I	2	3	4	5
II- Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCD và các tài sản dài hạn khác	21	6,7,8,11	(2 455 703 572)	(11 133 284 701)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCD và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			(15 500 000 000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		26 489 666 142	20 900 000 000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		909 048 833	6 841 722 123
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		24 943 011 403	1 108 437 422
III- Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	21		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	21		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(804 534 714)	(1 464 746 597)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	21		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(804 534 714)	(1 464 746 597)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		35 881 483 576	(82 515 818 414)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		5 920 148 771	219 279 229 179
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	29	41 801 632 347	136 763 410 765

NGƯỜI LẬP BIỂU



LÊ HỒNG MINH

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ ĐỨC TUẤN

Lập ngày 20 tháng 07 năm 2011.



NGUYỄN QUỐC CHÍNH